TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-01-2025

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 461/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 299/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1975;

Nơi cư trú: Số 277D5, khu phố B, Phường S, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: Số 94/1B, Khu phố M, Phường B (nay là phường A), thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Bà và ông Trần Văn D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 10/6/2003, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân 04 năm nay. Nay bà yêu cầu xin được ly hôn với ông D.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Trọng Đ, sinh ngày: 25/4/1997, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông D không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Văn D để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông D vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện ông Trần Văn D yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn D là bị đơn cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thùy D có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông D vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trần Văn D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 10/6/2003, hôn nhân do tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà D cho rằng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn và đã ly thân 04 năm nay. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông D để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nhưng ông D vắng mặt và không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D thể hiện ông D không muốn hàn gắn, đồng thời bà D và ông D đã ly thân 04 năm nay. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà D và ông D là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy D đối với ông Trần Văn D.

[3.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trần Văn D có 01 con chung tên Trần Trọng Đ, sinh ngày: 25/4/1997, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D đối với bị đơn ông Trần Văn D về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Trần Văn D.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trần Văn D có 01 con chung tên Trần Trọng Đ, sinh ngày: 25/4/1997, hiện đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005383 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà Nguyễn Thị Thùy D đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy D và ông Trần Văn D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Lê Hoàng Út